TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/9/2018
V/v *"ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hưng
Ông Nguyễn Phi Hùng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, về việc *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Văn Kiều G, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 362 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (có mặt).

- *Bị đơn:*Ông Nguyễn Lê Thanh H, sinh năm:1965; Địa chỉ: 270 Um Rd SPC, 119 SJ, CA 95111, Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Văn Kiều G trình bày:

Bà và ông Nguyễn Lê Thanh H quen biết nhau thông qua người chú ruột của bà giới thiệu. Bà và ông H tìm hiểu được 01 năm, đến tháng 5 năm 2012 thì ông bà

tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/5/2012.

Sau khi cưới, bà và ông H chung sống với nhau được 3 tháng tại nhà bà, sau đó ông H qua lại Mỹ. Thời gian đầu cả hai vẫn thường xuyên liên lạc với nhau bằng điện thoại. Đến giữa năm 2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H ít liên lạc và không quan tâm đến bà, ông H cũng không làm thủ tục để bảo lãnh bà sang Mỹ đoàn tụ. Năm 2015 vợ chồng bà không còn liên lạc với nhau nữa. Nay bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Trong thời gian chung sống giữa bà và ông H không có con chung, không có tài sản chung hoặc nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tống đạt các văn bản tố tụng theo con đường dịch vụ bưu chính cho ông Nguyễn Lê Thanh H. Đồng thời, Tòa án đã ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tống đạt văn bản tố tụng và lấy lời khai của ông Nguyễn Lê Thanh H nhưng tại các phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Lê Thanh H vắng mặt và không có ý kiến phản hồi về việc ly hôn của bà Văn Kiều G.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý, giải quyết án hôn nhân gia đình. HĐXX tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Nguyễn Lê Thanh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo con đường dịch vụ bưu chính và niêm yết tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ nhưng Tòa án vẫn không nhận được văn bản phản hồi của bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy hôn nhân giữa bà Văn Kiều G và ông Nguyễn Lê Thanh H chỉ tồn tại về mặt pháp lý, nếu có kéo dài cũng không đem lại kết quả tốt đẹp, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Văn Kiều G đối với ông Nguyễn Lê Thanh H là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Văn Kiều G đối với ông Nguyễn Lê Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa và giấy triệu tập cho bị đơn ông Nguyễn Lê Thanh H theo con đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của ông H ở nước ngoài, đồng thời ủy thác tư pháp ra nước ngoài để ghi lời khai và tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Lê Thanh H.

[2] Ngày 01/6/2018 Tòa án nhận được kết quả ủy thác tư pháp với nội dung cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do đương sự không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu. Do đó Tòa án đã đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo thẩm quyền. Tuy nhiên cho đến tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Lê Thanh H không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Kiều G và ông Nguyễn Lê Thanh H có thời gian tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn, sau đó được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/5/2012. Việc kết hôn giữa bà Văn Kiều G và ông Nguyễn Lê Thanh H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Văn Kiều G và ông Nguyễn Lê Thanh H được pháp luật công nhận là hợp pháp.

[4] Theo lời khai của bà Văn Kiều G thì sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ sống chung với nhau khoảng 03 tháng thì ông Nguyễn Lê Thanh H quay lại Hoa Kỳ; thời gian đầu bà và ông H vẫn thương xuyên liên lạc, nhưng đến năm giữa năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông H ít liên lạc và không quan tâm đến bà, ông H cũng không làm thủ tục để bảo lãnh bà sang Mỹ đoàn tụ; đến năm 2015 thì vợ chồng bà không liên lạc với nhau nữa. Nay bà G thấy tình cảm vợ chồng không còn gì nữa nên bà yêu càu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

[5] HĐXX xét thấy, bà G và ông H chỉ chung sống được thời gian ngắn, sau đó mỗi người ở mỗi nơi, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Thực tế hôn nhân giữa bà G và ông H chỉ tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Văn Kiều G về việc ly hôn với ông Nguyễn Lê Thanh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do

đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Văn Kiều G về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Lê Thanh H.

[6] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Văn Kiều G xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà G phải chịu là 300.000đ theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về chi phí thực hiện việc ủy thác tư pháp gồm: Lệ phí, phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế phát sinh ủy thác tư pháp bà G không phải chịu. Riêng chi phí thực tế ủy thác tống đạt văn bản tố tụng cho Công ty ABC Legal Services là 95USD và chi phí dịch thuật là 1.430.000 đồng bà G phải chịu.

[9] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Văn Kiều G đối với ông Nguyễn Lê Thanh H. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Điều 147, Điều 154, điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 6, Điều 7 Thông tư 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư Pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Văn Kiều G đối với ông Nguyễn Lê Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Kiều G được ly hôn ông Nguyễn Lê Thanh H.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Văn Kiều G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 001149 ngày 20/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Văn Kiều G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về chi phí thực hiện việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Lệ phí và phí ủy thác tư pháp bà Văn Kiều G không phải chịu. Hoàn trả cho bà Văn Kiều G số tiền tạm ứng lệ phí, phí đã nộp 200.000đ theo Biên lai thu số 001210 ngày 01/11/2017 và 200.000đ theo Biên lai thu số 001211 ngày 01/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Chi phí thực tế phát sinh từ ủy thác tư pháp bà Văn Kiều G không phải chịu. Hoàn trả cho bà Văn Kiều G số tiền tạm ứng chi phí thực tế phát sinh từ ủy thác tư pháp là 3.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 001212 ngày 01/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Chi phí dịch thuật là 1.430.000 đồng bà Văn Kiều G phải chịu (đã nộp tại Phòng Tư pháp quận H).

Chi phí ủy thác tống đạt văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Lê Thanh H là 95USD, bà Văn Kiều G phải chịu (đã nộp cho Công ty ABC Legal Services, Hoa Kỳ).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Văn Kiều G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Nguyễn Lê Thanh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP ĐN;
- Cục THADS TP ĐN;
- UBND TP Đà Nẵng.;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Phi Yến